TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1037/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 07 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 0930/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông A, sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: đường N, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà B, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: đường N, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01, ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 7 năm 2020, ông A và bà B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ: N, sinh

ngày 14 tháng 02 năm 2008 và Q, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2012. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông A và bà B thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông A và bà B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01, ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ: N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2008 và Q, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2012. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông A thỏa thuận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0087865 ngày 29 tháng 6 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự quận B; Ông A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.B;
- UBND Phường E, Q. B;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Linh Phượng